

HAI DÒNG CHẢY TƯ DUY TRONG TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI - TỪ CHỦ NGHĨA DUY LÝ ĐẾN CHỦ NGHĨA PHI DUY LÝ

★ TS VÕ ANH TUẤN

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Bài viết trình bày và phân tích hai xu hướng lớn trong triết học phương Tây hiện đại: chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý. Chủ nghĩa duy lý xem lý trí là công cụ tối thượng để khám phá chân lý, trong khi chủ nghĩa phi duy lý nhấn mạnh cảm tính, trực giác và những yếu tố vượt ngoài lý tính. Từ đó, bài viết lý giải sự đối lập và bổ sung giữa hai xu hướng này, chỉ ra vai trò lịch sử và ý nghĩa triết học của từng khuynh hướng trong bối cảnh văn hóa - xã hội phương Tây hiện đại.

● **Từ khóa:** Triết học hiện đại; chủ nghĩa duy lý; chủ nghĩa phi duy lý; tư tưởng phương Tây; nhận thức luận.

1. Mở đầu

Trong triết học phương Tây hiện đại, chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý không chỉ là hai xu hướng triết học đối lập, mà còn là biểu hiện sâu sắc của những khát vọng tri thức, niềm tin và cả sự hoài nghi trước thế giới hiện đại đang biến đổi nhanh chóng. Một bên đặt nền tảng trên lý tính, trật tự và hệ thống; bên kia khơi mở những miền vô thức, cảm xúc, hiện sinh và phi cấu trúc. Hai khuynh hướng này không chỉ định hình phương thức tư duy, mà còn góp phần kiến tạo những nền tảng văn hóa, khoa học và nghệ thuật trong thời hiện đại. Khảo cứu sự vận động và tương tác giữa hai dòng chảy triết học này không chỉ giúp soi sáng tiến trình phát triển của tư tưởng phương Tây, mà còn gợi mở những suy ngẫm sâu sắc về chính con

người hôm nay giữa lý trí và phi lý, giữa cái tuyệt đối và cái mơ hồ.

2. Nội dung

2.1. Hai khái niệm trung tâm của triết học hiện đại - Chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý

Chủ nghĩa duy lý (rationalism) hiện đại, tiếp nối truyền thống lý tính từ thời Descartes, khẳng định rằng lý trí là công cụ tối thượng để nhận thức chân lý. Khuynh hướng này đề cao tính phổ quát, khách quan, logic và hệ thống, trở thành nền tảng tri thức cho khoa học hiện đại cũng như các hệ tư tưởng cải tạo hiện thực. Chính tinh thần duy lý đã góp phần hình thành nên khoa học kỹ thuật, chủ nghĩa nhân văn thế tục và tiến trình hiện đại hóa của văn minh phương Tây. Gắn liền với các cuộc cách mạng khoa học, công nghiệp và kỹ thuật, duy lý hiện

đại đã đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng một thế giới vận hành theo trật tự lý tính và chuẩn mực logic.

Tuy nhiên, kể từ thế kỷ XIX và đặc biệt sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, những giới hạn của lý tính hiện đại dần được phơi bày. Khi lý trí bị tuyệt đối hóa, nó có nguy cơ trở thành lý tính công cụ, lý tính kỹ trị hay lý tính chiếm hữu - dẫn đến sự tha hóa, phi nhân tính và chủ nghĩa chuyên chế tinh vi. Chính trong bối cảnh đó, chủ nghĩa phi duy lý trỗi dậy như một phản biện triết học sâu sắc đối với chủ nghĩa duy lý. Khuynh hướng này không phủ nhận vai trò của lý trí, nhưng phê phán việc thần thánh hóa nó, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của cảm tính, trực giác, vô thức, huyền thoại, tôn giáo và nghệ thuật trong đời sống con người.

Chủ nghĩa phi duy lý (irrationalism) hiện đại nhấn mạnh tính lịch sử, cảm tính, cụ thể và phi hệ thống của con người và thế giới. Nó khơi dậy những chiều kích bị lãng quên như chiều sâu tinh thần, tính biểu tượng, sự mơ hồ và đa trị trong hệ giá trị. Từ đó, nó góp phần phục hồi toàn thể con người - không chỉ như một thực thể lý trí, mà còn là con người cảm xúc, hiện sinh, nghệ sĩ và tâm linh. Với chủ nghĩa phi duy lý, đời sống con người được nhìn nhận như một thực tại đa tầng, vượt ra khỏi các mô hình lý tính khép kín để vươn tới những miền sâu thẳm của hiện hữu.

Việc phân định giữa các khuynh hướng triết học không chỉ phản ánh sự đa dạng trong cách tiếp cận con người và thế giới, mà còn phụ thuộc vào những tiêu chí lịch sử - xã hội cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của triết học. Từ quan điểm của V.I.Lênin, triết học được phân chia thành hai khuynh hướng cơ bản: chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, bên cạnh đó còn tồn tại những lập trường trung gian như chủ nghĩa bất khả tri. Tuy nhiên, trong bối cảnh triết

học phương Tây hiện đại, sự phân loại truyền thống này dần được thay thế bằng cách tiếp cận mới, nhấn mạnh vào sự đối lập giữa chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý. Sự phân định này không chỉ dựa trên phương thức tư duy hay lập luận logic, mà chủ yếu phản ánh sự khác biệt về chức năng, mục đích và vai trò xã hội của triết học trong việc lý giải và định hướng đời sống tinh thần con người hiện đại.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại, trong quá trình phát triển, đã gắn chặt với kỹ thuật và công nghệ như những trụ cột nền tảng, đồng thời thúc đẩy một hệ tư tưởng mang đậm màu sắc duy lý. Trong bối cảnh đó, triết học cũng được định hình theo hướng tương thích, lấy lý trí và tính hệ thống làm trung tâm. Một trong những biểu hiện điển hình của chủ nghĩa duy lý trong giai đoạn này là chủ nghĩa thực chứng. Từ chủ nghĩa thực chứng cổ điển đến các hình thái tiếp biến như chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, chủ nghĩa nguyên tử logic, triết học phân tích ngôn ngữ và chủ nghĩa hậu thực chứng, tất cả đều nhấn mạnh vai trò trung tâm của tri thức khoa học. Những trường phái này khẳng định rằng chân lý khách quan có thể đạt được thông qua phương pháp luận duy lý - bao gồm quan sát, thực nghiệm, và lập luận logic chặt chẽ - đồng thời xem đó là con đường tối ưu để lý giải thế giới và định hướng hành động con người trong xã hội hiện đại.

Tuy nhiên, việc tuyệt đối hóa lý trí trong bối cảnh hiện đại không chỉ tạo ra tiến bộ mà còn tiềm ẩn nguy cơ tha hóa. Khi lý trí bị tách rời khỏi các chiều kích nhân văn, nó có thể bị biến thành công cụ kỹ trị, vận hành theo logic hiệu quả thuần túy và dẫn đến sự phi nhân hóa trong quan hệ xã hội và cấu trúc quyền lực. Phản ứng trước khuynh hướng này, một dòng triết học mới đã xuất hiện - chủ nghĩa nhân học (Anthropologisme) - với mục tiêu tái định vị con người

như một chủ thể toàn diện, không bị giản lược vào vai trò thuần lý trí. Trong diễn ngôn của chủ nghĩa nhân học, con người được nhìn nhận trong tính phức hợp của cảm xúc, kinh nghiệm hiện sinh, tính liên vị và khả năng vượt qua những giới hạn của tư duy duy lý. Xu hướng này không phủ nhận lý trí, nhưng phê phán sự duy lý cực đoan và nỗ lực phục hồi giá trị của cái người - như một thực thể vừa cá nhân, vừa văn hóa - trong thế giới hiện đại.

Các trào lưu triết học như phân tâm học, hiện tượng học, chú giải học, chủ nghĩa hiện sinh và chủ nghĩa nhân vị có thể được xem là những đại diện tiêu biểu cho khuynh hướng phi duy lý trong triết học phương Tây hiện đại. Dù xuất phát từ những truyền thống tư tưởng khác nhau - từ phân tâm học của Freud, Jung đến hiện tượng học của Husserl, Heidegger, hay triết học nhân vị của Mounier - điểm hội tụ của các trào lưu này là sự phê phán tính chất duy lý cực đoan vốn thống trị trong thời kỳ hiện đại sớm, đặc biệt từ Descartes đến chủ nghĩa thực chứng logic. Những trào lưu phi duy lý không phủ nhận hoàn toàn vai trò của lý trí, nhưng nhấn mạnh rằng con người là một hữu thể phức hợp, không thể bị giản lược thành một thực thể thuần lý. Họ phục hồi các chiều kích phi lý của con người như vô thức, cảm xúc, biểu tượng, trực giác và tính hiện sinh - những yếu tố vốn bị loại bỏ khỏi diễn ngôn triết học duy lý truyền thống.

Chẳng hạn, trong khi chủ nghĩa thực chứng coi tri thức khoa học là hình thức cao nhất và hợp lệ nhất của hiểu biết, thì hiện tượng học lại đặt trọng tâm vào trải nghiệm sống của chủ thể, nhấn mạnh cấu trúc ý thức chủ quan và sự “hiện hình” của thế giới qua trải nghiệm. Tương tự, Freud và Jung chỉ ra rằng phần lớn động lực hành vi con người bắt nguồn từ tầng sâu vô thức - một khu vực bị bỏ quên trong các lý thuyết duy lý. Chủ

nghĩa hiện sinh và nhân vị, đặc biệt, tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của con người như một thực thể có tự do, ý nghĩa và trách nhiệm, vượt lên trên mọi hệ thống lý tính khép kín.

Từ góc nhìn biện chứng, sự đối lập giữa duy lý và phi duy lý không nên được hiểu như hai cực loại trừ nhau, mà như hai chiều kích cấu thành bản thể con người và đời sống tinh thần phương Tây hiện đại. Nếu chủ nghĩa duy lý mang lại khả năng kiểm soát, hệ thống hóa và tiên bộ kỹ thuật, thì chủ nghĩa phi duy lý nhấn mạnh sự cần thiết của chiều sâu tâm linh, sự thấu cảm và khả năng dần thân hiện sinh. Cả hai khuynh hướng đều góp phần phản ánh sự phân mảnh và khủng hoảng bản sắc trong tư tưởng hiện đại, đồng thời cũng là những cố gắng khác nhau nhằm kiến tạo lại ý nghĩa nhân sinh trong một thế giới ngày càng trở nên phức tạp và mất định hướng.

Mặc dù chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý thường được xem là hai khuynh hướng đối lập trong triết học hiện đại, song giữa chúng vẫn tồn tại những điểm giao cắt và tương tác nhất định. Một số nhà tư tưởng tiêu biểu, dù thuộc về một khuynh hướng nhất định, vẫn cho thấy sự vượt thoát khỏi lối phân loại cứng nhắc. Chẳng hạn, Rudolf Carnap - một trong những đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa thực chứng logic - từng thừa nhận vai trò không thể phủ nhận của trực giác trong quá trình hình thành và phát triển tri thức khoa học, đặc biệt trong giai đoạn sáng tạo giả thuyết. Điều này cho thấy rằng ngay cả trong một hệ thống lý luận vốn đề cao tính chặt chẽ, kiểm chứng và ngôn ngữ hình thức, vẫn có sự hiện diện của những yếu tố không hoàn toàn quy giản được về lý tính.

Tương tự, Edmund Husserl - người khai sinh hiện tượng học - dù đề xướng phương pháp quy giản hiện tượng học như một nỗ lực xây dựng

“khoa học nghiêm ngặt” về ý thức, vẫn thường được xếp vào khuynh hướng phi duy lý. Nguyên nhân là bởi hiện tượng học của Husserl không nhắm đến việc truy tìm chân lý khách quan theo cách của các hệ hình duy lý cổ điển, mà tập trung vào việc mô tả những “ý nghĩa được hiển hiện” trong kinh nghiệm chủ quan. Điều thú vị là chính Husserl, trong nỗ lực bảo vệ tính hệ thống và tính khoa học cho hiện tượng học, đã tìm cách phân biệt công trình của mình với các diễn giải mang tính hiện sinh của Heidegger hay Merleau-Ponty - những người kế thừa nhưng cũng cải biến triệt để phương pháp luận hiện tượng học theo hướng phi duy lý và nhân vị hơn.

Sự giao thoa giữa hai khuynh hướng cho thấy rằng ranh giới giữa duy lý và phi duy lý trong triết học hiện đại không hoàn toàn tách biệt mà thường xuyên đan xen, thậm chí bổ sung cho nhau trong những cố gắng diễn giải hiện thực con người từ nhiều chiều cạnh - từ logic hình thức đến kinh nghiệm sống, từ lý trí đến cảm xúc, từ khách thể đến chủ thể.

Từ những phân tích trên, có thể nhận thấy rằng việc phân định giữa chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý không thể chỉ dựa vào hình thức diễn đạt, cấu trúc lập luận hay mức độ sử dụng khái niệm logic. Sự khác biệt cốt lõi giữa hai khuynh hướng này không nằm ở việc có hay không sử dụng lý trí, mà nằm ở việc lý trí được định vị ở vị trí trung tâm hay phụ thuộc trong cấu trúc triết học. Nói cách khác, cần thiết phải xét đến vấn đề trung tâm mà mỗi hệ thống triết học đặt ra và vai trò xã hội mà nó đảm nhận. Một hệ hình triết học dù sử dụng khái niệm, luận lý hay phương pháp luận khoa học một cách chặt chẽ, vẫn có thể thuộc về khuynh hướng phi duy lý nếu điểm xuất phát và mục tiêu cuối cùng không quy chiếu vào lý tính, mà hướng tới những chiều kích sâu hơn của hiện

hữu con người - như trực giác, cảm xúc, biểu tượng, vô thức hay kinh nghiệm sống.

Sự phân biệt giữa hai khuynh hướng này, vì thế, không mang tính loại trừ thuần túy, mà đòi hỏi một cái nhìn biện chứng hơn về các cấu trúc tư tưởng trong triết học hiện đại. Việc một hệ thống triết học sử dụng công cụ lý tính không đồng nghĩa với việc nó nhất thiết là duy lý, nếu toàn bộ cấu trúc tư duy của nó hướng đến việc khám phá cái vượt ra ngoài khả năng chi phối của lý trí thuần túy.

2.2. Duy lý và phi duy lý trong triết học hiện đại: Phân mảnh và kiến tạo

Trong lịch sử triết học phương Tây hiện đại, chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý không đơn thuần là hai hệ tư tưởng đối lập về phương pháp luận, mà là hai hình thái tư duy phản ánh những cách tiếp cận khác nhau nhằm lý giải bản chất con người, thế giới và tri thức. Nếu như chủ nghĩa duy lý nhấn mạnh vai trò tối thượng của lý trí như một công cụ phân tích khách quan, thiết lập hệ thống logic và xây dựng chân lý phổ quát, thì chủ nghĩa phi duy lý lại tập trung vào những chiều kích không thể quy giản - cảm xúc, trực giác, tính biểu tượng và kinh nghiệm hiện sinh. Sự đối lập này không chỉ là biểu hiện của hai lập trường nhận thức luận, mà còn phản ánh những mâu thuẫn sâu xa trong chính bản thể con người hiện đại - giữa khát vọng hệ thống hóa và nhu cầu biểu đạt cái vô thức, cái cá biệt, cái không thể định nghĩa.

Trong khi chủ nghĩa duy lý khởi nguồn từ Descartes với câu nói nổi tiếng “Tôi tư duy, nên tôi hiện hữu” (Cogito, ergo sum), thể hiện niềm tin tuyệt đối vào tính minh triết và phổ quát của tư duy lý tính, thì chủ nghĩa phi duy lý, xuất hiện rõ nét từ thế kỷ XIX với Nietzsche, Kierkegaard, và sau này là Freud, Bergson, Heidegger, lại đặt nghi vấn về tính giới hạn của lý trí trong việc

tiếp cận chân lý sống động của con người. Như Nietzsche đã khẳng định: “Không phải lý trí, mà chính bản năng sâu kín mới là cội nguồn của tri thức”¹. Như vậy, hai khuynh hướng này không chỉ là sự lựa chọn phương pháp luận khác nhau, mà là sự khác biệt căn bản trong việc định nghĩa thế nào là “tri thức” và “con người”.

Mặc dù có sự đối lập về nguyên lý, hai xu hướng này lại không hoàn toàn loại trừ lẫn nhau. Ngược lại, chúng thường xuyên giao thoa, đan xen và bổ sung trong tiến trình phát triển của tư tưởng triết học hiện đại. Chẳng hạn, trong khi Husserl khởi đầu với khát vọng xây dựng hiện tượng học như một “khoa học nghiêm ngặt” dựa trên trực giác bản chất (Wesensschau), ông lại sử dụng phương pháp quy giản nhằm tiếp cận các hiện tượng từ quan điểm chủ thể tính - một đặc điểm khiến ông thường bị xếp vào khuynh hướng phi duy lý. Tuy nhiên, bản thân Husserl cũng đã cố gắng tách hiện tượng học khỏi ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh - mà ông cho là quá cảm tính - để giữ gìn tính hệ thống và tính khoa học cho triết học của mình. Sự giằng co đó cho thấy, ngay cả những triết gia có thiên hướng duy lý cũng không thể phủ nhận vai trò của các yếu tố phi lý trong tiến trình tư duy triết học.

Một điểm đặc biệt trong mối quan hệ giữa chủ nghĩa duy lý và phi duy lý là khả năng đối thoại nội tại trong một số trường phái triết học hậu hiện đại. Các trào lưu như giải cấu trúc (Derrida), chú giải học (Gadamer), hay phân tâm học (Freud, Lacan) đều cho thấy sự pha trộn giữa hai khuynh hướng này. Giải cấu trúc, chẳng hạn, đặt nghi vấn đối với khả năng xác lập một trật tự logic hay chân lý phổ quát - một thái độ phi duy lý - nhưng lại triển khai các thao tác phê phán và phân tích với độ chặt chẽ logic cao - một đặc điểm của phương pháp duy lý. Jacques Derrida từng viết: “Không có gì nằm

ngoài văn bản”² - một mệnh đề tưởng chừng phi lý, nhưng lại được trình bày bằng phương pháp luận tinh vi, chi tiết và đầy tính duy lý. Điều này cho thấy, bản thân chủ nghĩa phi duy lý hiện đại không hoàn toàn chối bỏ lý trí, mà chỉ tái định vị vai trò của lý trí trong tiến trình nhận thức.

Từ góc độ xã hội học tri thức, sự đối lập giữa hai khuynh hướng này cũng có thể được lý giải như là phản ánh của những điều kiện lịch sử và nhu cầu thực tiễn khác nhau. Chủ nghĩa duy lý thường phát triển mạnh mẽ trong các giai đoạn mà khoa học và công nghệ đóng vai trò chủ đạo trong kiến tạo xã hội hiện đại, điển hình là thời kỳ Khai sáng và Cách mạng Công nghiệp. Ngược lại, chủ nghĩa phi duy lý lại thường trỗi dậy trong những giai đoạn khủng hoảng giá trị, như hậu Thế chiến thứ nhất và thứ hai, nơi con người cảm thấy hoài nghi đối với khả năng cứu rỗi của lý trí. Sự quay về với cảm xúc, tính hiện sinh và cái vô thức trở thành một hình thức phản kháng đối với tính công cụ hóa của lý trí hiện đại. Như Heidegger từng cảnh báo, lý trí phương Tây đang rơi vào trạng thái “lãng quên hữu thể”³, bởi nó chỉ còn quan tâm đến việc thao túng sự vật thay vì thấu hiểu bản chất tồn tại.

Mối quan hệ giữa hai khuynh hướng này, do đó, không nên bị giản lược thành một sự đối kháng thuần túy, mà cần được xem như một động lực nội tại thúc đẩy sự phát triển đa chiều của tư tưởng triết học hiện đại. Sự căng kéo giữa lý trí và cảm xúc, giữa cái khách quan và cái vô thức, giữa hệ thống và hiện sinh - chính là môi trường cho quá trình tự phê phán, mở rộng biên độ phản tư và tái cấu trúc tư duy triết học. Không có một hệ thống triết học nào thuần túy duy lý hoặc thuần túy phi duy lý, mà luôn là sự hòa quyện, tương tác, đôi khi mâu thuẫn, nhưng cần thiết để tạo nên sự phong phú và đa dạng của đời sống tinh thần.

Hơn thế nữa, mâu thuẫn giữa duy lý và phi duy lý còn là hình ảnh phản chiếu của sự phân mảnh nội tại trong bản thể con người hiện đại. Con người, trong khi khát khao xây dựng một thế giới có trật tự và dự đoán được, đồng thời cũng bị thôi thúc bởi những lực lượng vô thức, những cảm xúc không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ logic. Chính sự phân mảnh này - giữa lý trí và cảm tính - đã trở thành một yếu tố cấu thành bản sắc của hiện đại tính (modernity). Ở đây, triết học không chỉ là công cụ phản ánh hiện thực, mà còn là phương tiện để con người tự phản tư về chính mình, vượt qua những lưỡng phân giả tạo và hướng tới một tri thức tích hợp, nhân văn hơn.

Từ quan điểm đó, việc đánh giá một hệ tư tưởng không thể chỉ dựa vào phương pháp luận bề ngoài - như tính logic, khái niệm, lập luận - mà cần xét đến chức năng nhận thức và giá trị xã hội mà nó hướng tới. Như đã nói, ngay cả trong các hệ thống triết học có vẻ duy lý nhất - như triết học phân tích (analytic philosophy) - vẫn tồn tại những “khoảng mù” mà lý trí không thể bao trùm. Ngược lại, các hệ tư tưởng mang màu sắc phi duy lý - như hiện sinh hay hậu hiện đại - lại vẫn sử dụng lý trí như một công cụ để soi chiếu những chiều kích phi lý. Chính sự giằng co này mới làm nên sự sống động và sức sống lâu bền của triết học như một diễn trình luôn tự phê phán và tự tái tạo.

Tóm lại, trong bối cảnh thế giới ngày càng phức tạp, đa chiều và bất định như hiện nay, việc hiểu đúng và cân bằng giữa hai khuynh hướng duy lý và phi duy lý trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Chủ nghĩa duy lý giúp con người xây dựng

hệ thống, thiết lập quy luật và kiểm soát thực tại; còn chủ nghĩa phi duy lý giúp con người duy trì sự nhạy cảm, trực giác và tính nhân văn sâu sắc. Sự tương tác giữa hai khuynh hướng này không chỉ là động lực cho sự phát triển của triết học, mà còn là nền tảng cho một hình thức tư duy khai phóng, vượt lên khỏi mọi lưỡng phân cứng nhắc - nơi con người có thể vừa tư duy logic, vừa cảm nhận hiện sinh; vừa phân tích khái niệm, vừa lắng nghe tiếng nói thầm lặng từ bên trong.

3. Kết luận

Chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý trong triết học phương Tây hiện đại không chỉ đại diện cho hai lập trường phương pháp luận khác biệt, mà còn phản ánh hai cách nhìn căn bản về con người, tri thức và thế giới. Duy lý đề cao vai trò của lý trí như công cụ tối cao để nhận thức thực tại, hướng tới việc thiết lập các hệ thống triết học mang tính logic, khách quan và kiểm chứng được. Ngược lại, phi duy lý nhấn mạnh đến những giới hạn nội tại của lý trí, mở ra các chiều kích sâu hơn như cảm xúc, trực giác, kinh nghiệm hiện sinh, tính biểu tượng và tinh thần nội tại. Điều này cho thấy, triết học hiện đại là một không gian giao thoa phức hợp, nơi những cách tiếp cận khác biệt cùng góp phần lý giải tính đa chiều của con người và thế giới. Thay vì xem chúng là những cực trị đối lập, cần coi đây là hai nhánh tư duy tương tác lẫn nhau, bổ sung cho nhau. Trong bối cảnh hiện đại đầy biến động, việc duy trì một đối thoại triết học cởi mở giữa hai khuynh hướng này sẽ giúp mở rộng nền tảng phản tư, tạo ra những cách tiếp cận sâu sắc, nhân văn và thích ứng hơn với các thách thức toàn cầu □

¹ Nietzsche, Friedrich: *Beyond Good and Evil*, Vintage International, New York, 1968, tr.55.

² Derrida, Jacques: *Of Grammatology*, Johns Hopkins University Press, Baltimore, 1976, tr.158.

³ Heidegger, Martin: *Being and Time*, Harper & Row, New York, 1962, tr.47.